

NGHIÊN CỨU VỀ LỖI PHÁT ÂM CỦA SINH VIÊN KHÔNG CHUYÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI ĐỐI VỚI CÁC ÂM KHÓ TRONG TIẾNG ANH: GÓC NHÌN TỪ THỰC TIỄN GIẢNG DẠY

Nguyễn Thị Hồng Minh¹, Trương Nguyễn Ngọc Linh²
Email: m.nguyen192@hou.edu.vn

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 26/05/2025

Ngày phản biện đánh giá: 15/08/2025

Ngày bài báo được duyệt đăng: 29/08/2025

DOI: 10.59266/houjs.2025.624

Tóm tắt: Nghiên cứu này bắt đầu bằng việc nhận diện những khó khăn trong việc phát âm một số âm tiếng Anh mà người học thường gặp phải. Nghiên cứu tiếp tục với việc tham khảo một số tác giả về viết về ngữ âm học, những người đã thảo luận về các âm trong tiếng Anh cũng như các phương pháp nghiên cứu liên quan. Cuối cùng, tác giả thực hiện một nghiên cứu điển hình nhằm phân tích các lỗi mà người tham gia gặp phải và đề xuất khoa học ngắn để cải thiện.

Từ khoá: âm khó, lỗi phát âm, khắc phục

I. Đặt vấn đề

Trong suốt hàng chục năm giảng dạy tiếng Anh, tôi nhận thấy rằng một số âm trong tiếng Anh thường gây khó khăn cho sinh viên, dẫn đến các lỗi phát âm phổ biến. Chẳng hạn, thay vì phát âm âm /θ/ trong các từ như *thanks* hoặc *thank you*, nhiều học sinh có xu hướng thay thế bằng /t/, /f/, hoặc /s/, v.v. Hay, thay vì phát âm đúng âm vị /dʒ/ trong từ *job*, một số người học có xu hướng phát âm bằng các âm khác như /z/.

Từ các cách tiếp cận ngôn ngữ. Cách

tiếp cận hành vi xem việc sử dụng ngôn ngữ là kết quả của những thói quen tiềm ẩn được hình thành từ trước, cho phép cá nhân vận hành ngôn ngữ một cách tự nhiên. Bao gồm các thói quen trong việc sử dụng ngôn ngữ mẹ đẻ so với các âm vị tiếng Anh, ngôn ngữ tiếp nhận. Ví dụ, người học tiếng Việt thường gặp khó khăn trong việc phát âm các âm mũi như /m/, /n/ và /ŋ/ với độ vang và lực nhiều; thay vào đó, người Việt Nam thông thường phát âm các âm này một cách nhẹ hơn (Su, 2000). Hay, trong tiếng Việt không tồn tại

¹ Trường Đại học Mở Hà Nội

² Juniata College, Huntingdon, Pennsylvania, USA

các phụ âm sát răng như /θ/ và /ð/, người học Việt Nam thường cảm thấy khó khăn trong việc phát âm các âm này một cách chính xác và tự nhiên.

Ngoài ra, một số nguyên nhân khác dẫn đến lỗi phát âm có thể liên quan đến việc thiếu thực hành. Người học tiếng Anh chưa chú trọng đến vai trò của luyện tập phát âm thường xuyên, dẫn đến việc phát âm thiếu chuẩn xác hoặc vội vàng. Cách tiếp cận diễn giải, mặt khác, tập trung vào việc xác định và phân tích sâu những âm vị được xem là khó phát âm.

Ngoài động cơ xuất phát từ thực tiễn giảng dạy, tôi bị thúc đẩy bởi sự tò mò trong học thuật. Dù không chuyên sâu về ngữ âm hay âm vị học, tôi mong muốn nghiên cứu lĩnh vực này trong hoạt động dạy và học tiếng Anh nhằm xác định các âm gây trở ngại lớn, lý do dẫn đến khó khăn, và đề xuất giải pháp cải thiện phát âm cho người học. Nghiên cứu kỳ vọng góp phần nâng cao hiệu quả giảng dạy phát âm, giúp người học nhận diện và phát âm chính xác hơn. Cuối cùng, phát âm chuẩn hỗ trợ quá trình nghe hiểu, từ đó thúc đẩy giao tiếp hiệu quả.

II. Cơ sở lý luận

Trong lĩnh vực ngôn ngữ học, đặc biệt là ngữ âm học và âm vị học, nhiều học giả có uy tín đã có những đóng góp đáng kể nhằm làm sáng tỏ quá trình học và giảng dạy âm thanh trong ngôn ngữ thứ hai. Các công trình của Harmer (2004), Roach (2009) và Underhill (2005) và Power (2007) là những ví dụ tiêu biểu cho xu hướng ngôn ngữ được tiếp cận từ góc độ âm thanh, với mục tiêu cải thiện việc giảng dạy và học tập ngữ âm hiệu quả.

Harmer (2004) nhấn mạnh rằng các âm vị trong tiếng Anh được biểu diễn bằng các ký hiệu ngữ âm như /k/, /m/,... và rằng không tồn tại mối quan hệ một-một giữa hệ thống chữ viết và hệ thống âm thanh trong ngôn ngữ nói. Ví dụ, chữ cái *c* trong *cob* được phát âm khác với *c* trong *advice*, nhưng lại tương đồng với *c* trong *cow*. Ngoài ra, có thể một âm vị được biểu hiện qua một số dạng chính tả khác nhau, chẳng hạn như *a* = /æ/ trong *man* và *ai* = /e/ trong *again*.

Power (2007) tập trung vào số lượng và phân loại các âm vị trong tiếng Anh, xác định rằng hệ thống âm vị của ngôn ngữ này bao gồm 44 đơn vị âm thanh: 20 nguyên âm và 24 phụ âm. Trong số các nguyên âm, có 12 nguyên âm đơn (gồm bảy nguyên âm ngắn và năm nguyên âm dài) và 8 nguyên âm đôi. Tác giả cũng cung cấp các mô tả khái quát về từng âm, giúp người học hình dung được đặc điểm cơ bản của mỗi đơn vị âm vị.

Roach (2000) tiếp cận việc giảng dạy âm vị học thông qua phân tích chi tiết về cơ chế hình thành âm thanh. Ông giải thích rằng âm được tạo ra thông qua sự co cơ tại các bộ phận trong hệ thống cấu âm. Để phát âm chính xác, người học cần nắm vững chức năng và vị trí của các cơ quan cấu âm trong thanh quản và khoang miệng.

Underhill (2005) cũng đưa ra những đóng góp quan trọng liên quan đến học tập và giảng dạy phát âm trong ngữ cảnh ngôn ngữ thứ hai. Ông nhấn mạnh rằng để được hỗ trợ, người học cần nắm vững hệ thống âm vị, điều thiết yếu là giáo viên và người học phải hiểu rõ cách thức và vị trí phát

âm-tức là cơ chế tạo âm và vị trí phát âm trong đường thanh quản.

Từ việc khảo sát một số tài liệu giảng dạy ngữ âm nói chung và dạy âm vị nói riêng, có thể nhận thấy rằng việc trang bị kiến thức ngữ âm nền tảng cho người học là điều kiện tiên quyết để đạt được khả năng phát âm chính xác và giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh. Việc thiếu hụt kiến thức nền về hệ thống âm vị có thể là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sự chậm tiến hoặc sai sót hoặc quá trình phát triển năng lực nói.

III. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Nghiên cứu này không nhằm mục đích đào sâu thêm vào nguyên nhân cốt lõi của những sai lệch đó, mà tập trung cụ thể vào việc khảo sát mức độ khó khăn trong việc phát âm 8 âm vị tiếng Anh gồm có : /θ/, /ð/, /æ/, /ɑ:/, /tʃ/ , /ʃ/, /dʒ/ và /z/, 8 âm này được xem là dễ gây nhầm lẫn đối với sinh viên không chuyên Anh của Viện Công nghệ sinh học và Công nghệ thực phẩm. Thông qua việc phân tích kết quả nghiên cứu, người viết kỳ vọng sẽ đề xuất được một số kỹ thuật giảng dạy hiệu quả nhằm cải thiện năng lực phát âm của người học.

3.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện trên cơ sở phân tích dữ liệu thu thập từ các thiết bị ghi âm giọng đọc, giọng nói của sinh viên. Các âm, danh mục được mã hoá, cùng với việc đối chiếu và so sánh kết quả sẽ là những thành tố chính trong quá trình phân tích định tính, định lượng. Do đó, phương pháp nghiên cứu sẽ khởi đầu bằng việc xác định rõ câu hỏi nghiên cứu, lựa chọn cách tiếp cận phê phán phù hợp, trong đó

có việc triển khai khoá học thực nghiệm, và kết thúc bằng phân tích tổng thể kết quả của quá trình nghiên cứu.

3.3. Câu hỏi nghiên cứu

Nghiên cứu hướng đến việc trả lời các câu hỏi nghiên cứu sau:

- Những âm vị nào trong tiếng Anh được xem là khó phát âm đối với khoảng 50 sinh viên Viện Công nghệ sinh học và Công nghệ thực phẩm?

- Mức độ khó khi phát âm các âm vị này được đánh giá như thế nào?

- Việc giảng dạy phát âm có mang lại hiệu quả cải thiện phát âm cho sinh viên không?

- Nếu có, mức độ hiệu quả của phương pháp giảng dạy phát âm là bao nhiêu?

3.4. Thiết kế nghiên cứu

3.4.1. Đối tượng tham gia

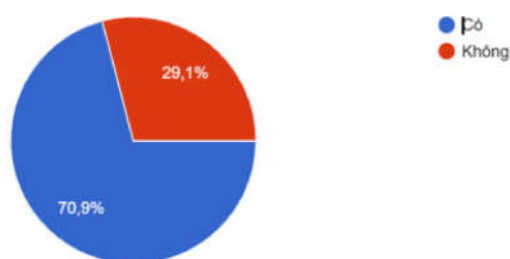
Nghiên cứu được thực hiện với sự tham gia của khoảng trên 50 sinh viên năm thứ hai, đến từ hai lớp tiếng Anh không chuyên, Viện Công nghệ sinh học và Công nghệ thực phẩm của trường Đại học Mở Hà Nội. Những sinh viên này là thành viên cố định của 2 lớp. Khoảng 25% người tham gia là nam, trong khi phần còn lại là nữ. Các sinh viên đều tốt nghiệp trung học phổ thông trước khi vào đại học. Hầu hết đều học tiếng Anh liên tục trước khi tham gia nghiên cứu, và trình độ ngôn ngữ hiện tại được xác định ở mức tiền trung cấp. Với khối không chuyên không có khoá học chuyên về ngữ âm mà các em chỉ được học ngữ âm thông qua các tiểu mục trong giáo trình nghe nói New Headway, Pre-Intermediate của hai tác giả John & Liz (2019).

3.4.2. Công cụ thu thập dữ liệu

Để đảm bảo độ tin cậy và tính nhất quán trong quá trình thu thập dữ liệu, nghiên cứu này sẽ sử dụng một số công cụ. Thứ nhất là kết quả của bảng câu hỏi nghiên cứu ngắn xác định 8 âm này là 8 âm khó phát âm trong tiếng Anh được tiến hành trên cùng nhóm đối tượng.

Công cụ Google Form: cho kết quả như sau

Câu hỏi: Bạn có gặp khó khi phát âm các âm /θ/, /ð/, /æ/, /ɑ:/, /tʃ/, /f/, /dʒ/ và /ʒ/ trong Tiếng Anh không?



Hình 1. Câu hỏi về độ khó của 8 âm.

Đồ thị cho thấy khoảng 70% người được hỏi xác nhận đây là 8 âm khó đối với họ.

Công cụ tiếp theo là *hai bài kiểm tra*: bài kiểm tra đầu vào (pre-test) và bài kiểm tra đầu ra (post-test). Thiết bị ghi âm, và phiếu đánh giá kết quả.

Bài kiểm tra đầu vào

Phần 1: gồm 5 câu hỏi ngắn nhằm tạo không khí thoải mái cho sinh viên.

Giáo viên hỏi các câu hỏi sau và sinh viên trả lời bằng tiếng Anh.

What is your name? [Tên của bạn là gì?]

2. Which class are you from? [Bạn học lớp nào?]

Do you like your English class? [Bạn có thích lớp tiếng Anh của mình không?]

Do you have a lot of friends? [Bạn có nhiều bạn bè không?]

Can you tell about some of good qualities in your close friends?

[Bạn có thể kể về một số phẩm chất tốt của những người bạn thân của bạn không?]

Phần 2: là phần đánh giá phát âm, trong đó người học được yêu cầu đọc to một đoạn văn có nội dung quen thuộc. Đoạn văn được lựa chọn chứa nhiều từ có tích hợp 8 âm vị mục tiêu đã được xác định trong phạm vi nghiên cứu. Những từ này sẽ được in đậm để thu hút sự chú ý của người đọc cũng như được mã số. Bằng cách đọc to đoạn văn, sinh viên sẽ bộc lộ mức độ chính xác và trôi chảy trong việc phát âm các âm đó.

Phần 2: Đọc to đoạn văn sau, chú ý đến những từ in đậm.

“One of ²the most unsettling and ⁱⁿjustice aspects of ^{de}humaniza⁸tion is that it makes people indifferent to ^others’ suffering. “Dehumanization makes possible the everyday violence and large-scale ^a7trocities that observers enable ¹through their indifference,” psychology ^{re}sear⁷chers write. “It allows us to refuse to help ³and to ^s3acrifice others for the greater good because we ²are apathetic to their suffering. It ^u6sually undermines ^{re}concilia⁸tion following conflict because there is no point to rebuilding ^{rela}8tion⁸ships with ²those we ¹think of as animals.” In one study, nine ^{mon}1th olds were more likely to associate happy music with faces from their own race, and ^s3ad music with faces from other races. In another study, white ⁷children ³as young ³as three in the US were more likely to

say that **Bl⁴ack** and **A⁶sian** faces looked angry, **comp³ared** to white faces.”

Ghi chú : Các âm được đánh số theo thứ tự các âm khó ¹ = /θ/, ² = /ð/, ³ = /æ/, ⁴ = /a:/, ⁵ = /dʒ/, ⁶ = /ʒ/, ⁷ = /tʃ/, ⁸ = /ʃ/.

Dữ liệu âm thanh từ phần đọc của sinh viên sẽ được ghi lại để phân tích. Nội dung của bài kiểm tra đầu ra về cơ bản giữ nguyên cấu trúc của bài kiểm tra đầu vào nhằm đảm bảo tính nhất quán trong việc so sánh và phân tích kết quả. Tuy nhiên, một số điều chỉnh đã được thực hiện để phản ánh sự tiến bộ trong năng lực ngôn ngữ của các đối tượng tham gia, vốn đang ở học kỳ thứ tư, giai đoạn được kỳ vọng có sự cải thiện rõ rệt về kỹ năng phát âm. Thay vì yêu cầu sinh viên đọc to một đoạn văn như trong bài kiểm tra đầu vào, người học sẽ được yêu cầu trình bày nói miệng một cách tự nhiên một chủ đề quen thuộc.

Bài kiểm tra đầu ra

Phần 1: Giáo viên hỏi và sinh viên trả lời các câu hỏi sau:

1. What is your name? [Tên của bạn là gì?]
2. Which class are you from? [Bạn học lớp nào?]
3. Which country do you most like to visit in the future? [Sau này bạn muốn đến thăm đất nước nào nhất?]
4. Is there anything do you plan to study in the future? [Bạn có kế hoạch học tập gì trong tương lai không?]
5. If yes, what? [Nếu có, thì bạn học cái gì?]

Phần 2: Sinh viên đọc đề bài và chuẩn bị trong khoảng một phút trước khi trình bày một bài nói ngắn khoảng 2 phút.

Tên chủ đề: *Being a famous person*
[Trở thành một người nổi tiếng]

- Talk about advantages and disadvantages of being famous.

[Nói về những ưu điểm và nhược điểm của việc trở thành người nổi tiếng.]

- Do you think the lives of all famous people are affected by the points on your lists?

[Bạn có nghĩ rằng cuộc sống của tất cả những người nổi tiếng đều bị ảnh hưởng bởi những điểm như bạn nghĩ không?]

- Name some people who are or have been most affected.

[Hãy nêu tên một số người đã hoặc đang bị ảnh hưởng nhiều nhất.]

Haines & Steward (1994, p.25-26)

Máy ghi âm và phiếu đánh giá

Công cụ chính máy ghi âm được dùng để ghi lại giọng điệu và phát âm của sinh viên trong quá trình kiểm tra. Phiếu đánh giá, phiếu đánh giá bài kiểm tra đầu vào. Phiếu để đánh giá kết quả Bài kiểm tra đầu ra cho nhóm sinh viên không tham gia khoá học thử nghiệm, và cho nhóm tham gia học thử nghiệm.

3.2.3. Cách thức tiến hành

Bài kiểm tra đầu vào: được tiến hành vào giữa kỳ 3. Khi cả giáo viên và sinh viên đều đã sẵn sàng, máy ghi âm được bật lên để bắt đầu ghi lại giọng nói của sinh viên trong suốt quá trình trả lời. Ngay sau khi kết thúc bài kiểm tra, máy ghi âm và các phiếu đánh giá sẽ giao cho người nghiên cứu để thu thập và phân tích dữ liệu.

Khi bài kiểm tra đầu vào kết thúc, người nghiên cứu tiến hành hoàn thiện

bảng đánh giá, trong đó bao gồm 8 âm sinh viên thường xuyên gặp phải lỗi phát âm. Các âm này sẽ được ghi vào từng ô trong cột ngang của bảng. Các ô trong cột dọc đầu tiên sẽ được đánh dấu với tên của các sinh viên tham gia nghiên cứu. Hai ô cuối cùng trong bảng sẽ được đánh dấu là “tổng” và “tỷ lệ phần trăm”.

Quá trình thu thập dữ liệu sẽ được thực hiện thông qua việc phát lại băng ghi âm, trong đó nhà nghiên cứu sẽ nghe từng câu phát âm của sinh viên. Máy ghi

âm sẽ được dừng lại sau mỗi câu, và nếu cần thiết, đoạn ghi âm sẽ được phát lại để phân tích chính xác các lỗi phát âm. Mỗi khi sinh viên phát âm sai một âm, ô tương ứng sẽ được đánh dấu. Quá trình này sẽ được áp dụng cho tất cả các phát âm của sinh viên.

Bài kiểm tra đầu vào được phân tích để xác định các âm phát âm sai và xếp hạng chúng từ mức độ sai cao nhất đến mức độ sai thấp nhất. Kết quả của bài kiểm tra Pre-test như sau.

Bảng 1. Bảng đánh giá kết quả bài kiểm tra đầu vào về số lượng sinh viên (SV) gặp lỗi với mỗi âm giả định của cả hai lớp.

Số thứ tự các âm khó	1	2	3	4	5	6	7	8
Các âm khó giả định	/θ/	/ð/	/æ/	/a:/	/dʒ/	/ʒ/	/tʃ/	/ʃ/
SV.1								
SV.2								
....								
SV.50								
Tổng số SV	25	18	13	12	10	9	9	8
Tỷ lệ %	50	36	26	2	20	18	18	16

Bài kiểm tra đầu ra

Bài kiểm tra đầu ra được thực hiện trên cùng nhóm sinh viên tham gia, và quy trình thực hiện sẽ giống với bài kiểm tra trước. Tuy nhiên, bài kiểm tra này chỉ được tiến hành sau khi nhóm được

cải thiện (nhóm Thực nghiệm)—hoàn thành khoá học thực nghiệm về phát âm. Nhóm Thực nghiệm sẽ được chọn ngẫu nhiên từ hai nhóm tham gia. Cả hai nhóm tham gia đều phải thực hiện bài kiểm tra.

Bảng 2. Bảng tổng kết kết quả lỗi phát âm trong bài kiểm tra đầu ra trên nhóm Thực nghiệm.

Các âm mắc lỗi	/θ/	/ð/	/æ/	/a:/	/dʒ/	/ʒ/	/tʃ/	/ʃ/
SV.1								
SV.2								
....								
SV.25								
Tổng số SV	5	4	4	3	3	2	2	2
Tỷ lệ %	10	4,4	4,4	6	6	4	4	4

Bảng 3. Bảng tổng kết kết quả lỗi phát âm trong bài kiểm tra đầu ra thực hiện trên trên nhóm không tham gia khóa học thực nghiệm (nhóm Đối chứng).

Các âm mắc lỗi	/θ/	/ð/	/æ/	/ɑ:/	/dʒ/	/ʒ/	/tʃ/	/f/
SV.1								
SV.2								
....								
SV.25								
Tổng số SV	15	13	10	8	8	6	6	6
Tỷ lệ %	30	26	20	16	16	12	12	12

3.3. Khóa học thực nghiệm

Sau khi kết quả bài kiểm tra đầu vào được thu thập và các âm phát âm khó được xếp theo thứ tự, một khoá học ngắn hạn chuyên về luyện tập các âm này được tiến hành. Khóa học sẽ kéo dài khoảng hai tuần, với hai buổi học mỗi tuần, mỗi buổi kéo dài 4 tiết, và chỉ áp dụng cho nhóm thực nghiệm gồm hai mươi lăm sinh viên. Một giảng viên sẽ tham gia giảng dạy. Quy trình học và giảng dạy các âm tiếng Anh trong khóa học này sẽ được nhà nghiên cứu thiết kế dựa trên phương pháp của Baker và Goldstein (1998), với các bước sau:

Tuần 1: Giảng dạy hai âm phát âm khó nhất là /θ/, /ð/, cùng với hai âm phát âm khác.

Tuần 2: Giảng dạy hai âm khó tiếp theo là /æ/, /ɑ:/, và các âm còn lại.

Ghi chú: /θ/ và /ð/ được xác định là hai âm phát âm khó nhất, trong khi /æ/, /ɑ:/ là hai âm khó tiếp theo.

Nhiều sinh viên không nhận thức được những lỗi phát âm của mình, do đó giáo viên giúp họ nhận diện và nhận thức rõ các lỗi này là bước đầu tiên và quan trọng trong quá trình giảng dạy. Sau khi lỗi phát âm đã được chỉ rõ, giảng viên sẽ tiến hành giảng dạy từng âm một cách chi

tiết. Cụ thể, cách đặt lưỡi, răng và cách mở miệng trước khi phát âm từng âm sẽ được mô tả tỉ mỉ. Việc kiểm soát dòng chảy không khí trong quá trình phát âm cũng là yếu tố quan trọng cần được hướng dẫn. Ví dụ, âm /θ/ là đặt lưỡi ra giữa hai hàm răng trước khi phát âm.

Mặc dù được giải thích kĩ về cách phát âm, luyện tập trên lớp và sau giờ lên lớp là một phần chính trong quá trình cải thiện. Việc thực hành và luyện tập ngoài giờ trên lớp là yếu tố không thể thiếu, 4 tiết giảng dạy trên lớp tương đương với 8 tiết tự học ngoài giờ trong vòng 2 tuần. Các ứng dụng học tập như Elsa Speak, Quizziz, Twee hay là xem các Video Clips dạy cách phát âm trên Youtube được gợi ý sử dụng để hỗ trợ sinh viên luyện tập. Các ứng dụng này có thể giúp đưa ra các bài tập luyện tập ở từng âm riêng lẻ, tiếp theo là luyện tập các âm đôi. Ví dụ, để luyện âm /θ/, sinh viên có thể được giới thiệu các cặp từ như: “thin-skin”, “thick-chick”, “mouth-mouse”, và cuối cùng là luyện tập qua việc đọc đối thoại và các tình huống đóng vai. Một kỹ thuật học tập thú vị khác là yêu cầu sinh viên tự ghi âm giọng nói của mình và so sánh với mẫu âm thanh chuẩn. Để tăng cường sự hứng thú cho học sinh trong quá trình học, giáo viên có thể sử dụng các minh họa trực quan về âm thanh.

Hai tuần sau khi kết thúc khoá học thực nghiệm, bài kiểm tra sau (post-test) sẽ được tiến hành vào giữa học kỳ thứ tư, sử dụng cùng các nhóm học sinh. Quy trình thực hiện bài kiểm tra sau sẽ giống như bài kiểm tra trước (pretest), như đã được mô

tả ở trên. Sau khi hoàn thành bài kiểm tra, một bảng dữ liệu khác sẽ được sử dụng để phân tích kết quả. Dựa trên dữ liệu thu thập được, nhà nghiên cứu sẽ phân nhóm lại học sinh thành hai nhóm: nhóm Tham Thực nghiệm và nhóm Đối chứng.

VI. Kết quả và thảo luận

Bảng 4. Những thay đổi về tỉ lệ mắc lỗi trong nhóm Thực nghiệm giữa bài kiểm tra đầu vào và bài kiểm tra đầu ra.

Âm mắc lỗi	Kết quả bài kiểm tra đầu vào/50 SV		Kết quả bài kiểm tra đầu ra/25 SV	
	Số lượng SV	Tỷ lệ %	Số lượng SV	Tỷ lệ %
/θ/	25	50	5	10
/ð/	18	36	4	4.4
/æ/	13	26	4	4.4
/a:/	12	24	3	6
/dʒ/	10	20	3	6
/tʃ/	9	18	2	4
/ʒ/	9	18	2	4
/ʃ/	8	16	2	4

Bảng 5. Bảng đánh giá kết quả bài kiểm tra đầu ra về số lượng sinh viên nhóm Thực nghiệm so với nhóm Đối chứng gặp lỗi với 8 âm (mỗi nhóm là 25 sinh viên).

Âm mắc lỗi	Nhóm Thực nghiệm		Nhóm Đối chứng	
	Số lượng SV mắc lỗi	Tỷ lệ %	Số lượng SV mắc lỗi	Tỷ lệ %
/θ/	5	10	15	30
/ð/	4	8	13	26
/æ/	4	8	10	20
/a:/	3	6	8	16
/dʒ/	3	6	8	16
/tʃ/	2	4	6	12
/ʒ/	1	2	6	12
/ʃ/	1	6	4	12

Kết quả thu được từ cả hai bài kiểm tra, nhìn trên dữ liệu tác giả thấy có sự thay đổi trong hiệu suất của từng âm nghiên cứu. Tỷ lệ lỗi trong bài kiểm tra đầu ra sẽ thấp hơn nhiều so với bài kiểm tra đầu vào đối với tất cả các âm vị, do họ đã được học bổ xung khoá ngắn hạn. Bảng 5 chỉ ra một sự giảm nhiều về số lượng lỗi phát âm ở Nhóm thực nghiệm so với nhóm Đối chứng, với mức giảm từ gần ba đến sáu lần ở tất cả các âm hay mắc lỗi.

Tiếp theo, dữ liệu sẽ được so sánh để đánh giá sự khác biệt trong tỷ lệ lỗi giữa nhóm Thực nghiệm và nhóm Đối chứng. Quá trình phân tích này dựa trên phương pháp nghiên cứu của Couper (2006). Như dự đoán, nhóm tham gia thực nghiệm sẽ mắc ít lỗi phát âm hơn nhiều so với nhóm không tham gia, điều này có thể được minh hoạ rõ ràng trong bảng sau.

Bảng 6. Khác biệt về tỷ lệ mắc lỗi giữa nhóm Thực nghiệm và Đối chứng trong bài kiểm tra đầu ra.

Âm mắc lỗi	Nhóm Thực nghiệm		Nhóm Đối chứng	
	Số lượng SV mắc lỗi	Tỷ lệ %	Số lượng SV mắc lỗi	Tỷ lệ %
/θ/	5	10	15	30
/ð/	4	8	13	26
/æ/	4	8	10	20
/a:/	3	6	8	16
/dʒ/	3	6	8	16
/tʃ/	2	4	6	12
/ʒ/	1	2	6	12
/ʃ/	1	6	6	12

Để so sánh kết quả giữa hai nhóm, nghiên cứu chỉ ra một sự thay đổi rõ rệt trong số lượng học sinh mắc lỗi phát âm giữa nhóm tham gia tiền kiểm tra và nhóm tham gia hậu kiểm tra, với xu hướng giảm dần. Đặc biệt ở bảng 6, đối với các âm quan trọng như /ð/, /ʒ/, /ʃ/ tỷ lệ học sinh phát âm sai các âm này đã mạnh, giảm xuống còn một nửa hoặc thậm chí hơn một nửa. Đáng chú ý, tỷ lệ phát âm sai với các âm như /a:/ và /θ/ đã giảm tương đối, lần lượt là hơn hai phần ba và hai phần ba so với kết quả trước đó

Tóm lại, kết quả từ sáu bảng đã trình bày rõ ràng rằng có nhiều phương pháp để cải thiện phát âm tiếng Anh. Không thể phủ nhận tầm quan trọng vượt trội của một khoá học ngắn hạn được giảng dạy bởi giáo viên, kết hợp với sự hỗ trợ của một số phần mềm học tập, và sự nỗ lực học tập của các em đối với việc cải thiện khả năng phát âm 8 âm khó đối với nhóm học sinh không chuyên.

V. Kết luận

Tóm lại, nghiên cứu đã chỉ ra một số vấn đề phát âm mà sinh viên Viện Công Nghệ sinh học và Công nghệ thực phẩm có thể gặp phải trong quá trình học tiếng Anh

như một ngôn ngữ thứ hai (L2). Những vấn đề này đã được nhiều chuyên gia trong lĩnh vực ngôn ngữ học quan tâm và nghiên cứu đến một mức độ nhất định. Cụ thể, 8 âm tiếng Anh gây nhầm lẫn đòi hỏi người học phải tiến hành luyện tập thường xuyên và kiên trì để có thể phát âm chính xác, gần giống với người bản ngữ. Vì vậy, một khoá học ngắn hạn tập trung vào việc học và dạy phát âm có thể mang lại hiệu quả tích cực đặc biệt trong giai đoạn phát triển công nghệ AI với các phần mềm hỗ trợ học tập, đặc biệt giáo viên được xem là có vai trò then chốt trong việc hỗ trợ người học nhận diện và điều chỉnh các lỗi phát âm, qua đó nâng cao năng lực giao tiếp bằng tiếng Anh. Tuy nhiên, trong phạm vi thời gian nghiên cứu hạn chế, một nghiên cứu chi tiết hơn không thể thực hiện được. Tác giả sẽ tiếp tục theo dõi và tham khảo thêm các nghiên cứu liên quan trong lĩnh vực này trong tương lai.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Baker, A. & Goldstein, S. (1998). *Pronunciation Pairs*. Cambridge University Press.
- [2]. Couper, G. (2006). *The Short and Long-Term Effects of Pronunciation Instruction*. Prospect Vol.21, No.1, April: 46-66.

- [3]. Haines, S. & Stewart, B. (1994). *First Certificate Master class*. Oxford University Press.
- [4]. Harmer, J. (2004). *The Practice of English Language Teaching*. England: Pearson Education Limited.
- [5]. John, S. & Liz, S. [2019] *New Headway, Pre-Intermediate*, Fourth Edition. Oxford University Press.
- [6]. Marks, J. (2023). *English Pronunciation in use, elementary*. Cambridge University Press.
- [7]. Power, T. (2004). Teaching English Sounds. *Common Mistakes in English by Language Background*. Download from www.internet.com/~ted.powerlest0104.html-18 k
- [8]. Roach, P. (2009). *English Phonetics and Phonology, a Practical Course*. Cambridge University Press.
- [9]. Su, L. V. (2000). *English Linguistics, Phonetics and Phonology*. Dong Nai Publishing House, VN.
- [10]. Underhill, A. (2005). *Sound Foundation, Learning and Teaching Pronunciation*. Macmillan Publishers Limited, p. 5-22, 118-132.

A STUDY ON THE MISPRONUNCIATION OF DIFFICULT SOUNDS BY NON-ENGLISH MAJORS AT HANOI OPEN UNIVERSITY IN LEARNING ENGLISH: A PRACTICAL TEACHING PERSPECTIVE

Nguyen Thi Hong Minh³, Tuong Nguyen Ngoc Linh⁴

Abstract: *This study begins by identifying the difficulties learners commonly face in pronouncing certain English sounds. It then reviews the work of several phonetics scholars who have discussed English sounds and relevant research methodologies. Finally, the author conducts a case study to analyze the pronunciation errors encountered by participants and proposes a short course to help improve their pronunciation.*

Keywords: *difficult sounds, pronunciation errors, remediation*

³ Hanoi Open University

⁴ Juniata College, Huntingdon, Pennsylvania, USA